

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLEI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-LN

Đắk Glei, ngày tháng năm 2024

V/v báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2019-2023

Kính gửi:

- Phòng Dân tộc huyện;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Ngân hàng Chính sách;
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- Ban Quản lý KBTTN Ngọc Linh;
- Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Glei;
- Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk Glei;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Văn bản số 1709/SNN-KH ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phối hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2019-2023,

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei đề nghị các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị chủ rừng triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị chủ rừng báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về giao đất, giao rừng, bảo vệ, phát triển rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nâng cao đời sống cộng đồng dân cư và hộ gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019-2023 trên lâm phần, địa bàn quản lý.

2. Phòng Dân tộc, Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Hạt Kiểm lâm và Ngân hàng Chính sách huyện theo chức năng, nhiệm vụ được giao báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về giao đất, giao rừng, bảo vệ, phát triển rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nâng cao đời sống cộng đồng dân cư và hộ gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019-2023 (**tại các mục, phần và phụ lục của đề cương**).

(có Đề cương báo cáo kèm theo).

3. Kết quả báo cáo của các cơ quan, đơn vị gửi về Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei (qua Hạt Kiểm lâm) **trước ngày 22/5/2024**.

4. Giao Hạt Kiểm lâm huyện tổng hợp kết quả báo cáo của các cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời tham mưu UBND huyện Đắk Glei báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 25/5/2024.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện, báo cáo đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên (t/h);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (t/d);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Rơ Châm Định

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về giao đất, giao rừng, bảo vệ, phát triển rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nâng cao đời sống cộng đồng dân cư và hộ gia đình ở vùng DTTS&MN giai đoạn 2019-2023

(Kèm theo Công văn số /SNN-KL ngày tháng 5 năm 2024)

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Khái quát về điều kiện tự nhiên; diện tích đất rừng, dân số, dân tộc thiểu số (DTTS) và tình hình kinh tế- xã hội của địa phương; kết quả giải quyết đất ở, đất sản xuất của đồng bào DTTS trên địa bàn.

- Điều kiện tự nhiên (Phòng Nông nghiệp và PTNT)
- Diện tích rừng (Hạt Kiểm lâm)
- Dân số, dân tộc thiểu số (DTTS) và tình hình kinh tế- xã hội của địa phương (Phòng dân tộc)
- Kết quả giải quyết đất ở, đất sản xuất của đồng bào DTTS trên địa bàn (Phòng Tài nguyên và môi trường).

2. Khái quát tình hình thực hiện giao đất, giao rừng cho các chủ sử dụng theo quy định của Luật Lâm nghiệp từ năm 2019 đến hết năm 2023. (Phòng Tài nguyên và Môi trường)

3. Khái quát tình hình thực hiện các chính sách khoanh nuôi, bảo vệ, phát triển rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nâng cao đời sống đồng bào DTTS, nhất là đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình cá nhân; xây dựng các mô hình phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững, hiệu quả.

- Khái quát tình hình thực hiện các chính sách khoanh nuôi, bảo vệ, phát triển rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nâng cao đời sống đồng bào DTTS, nhất là đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình cá nhân (Hạt Kiểm lâm).

- Xây dựng các mô hình phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững, hiệu quả (Phòng Nông nghiệp và PTNT).

4. Khái quát những thuận lợi khó khăn (về mặt tổ chức, nguồn nhân lực, vốn....) ảnh hưởng đến việc triển khai tổ chức thực hiện. (Theo chức năng nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị đánh giá).

5. Những vấn đề khác có liên quan (Theo chức năng nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị đánh giá).

(Thống kê số liệu vào phụ biểu 01)

II. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật giao đất, giao rừng, bảo vệ, phát triển rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nâng cao đời sống cộng đồng dân cư và hộ gia đình ở vùng DTTS giai đoạn 2019 - 2023

1. Công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện

1.1. Về văn bản thực hiện

- Văn bản của trung ương (Theo chức năng nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị đánh giá).

+ Thống kê các văn bản về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước có quy định về *giao đất, giao rừng, bảo vệ phát triển rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nâng cao đời sống cộng đồng dân cư và hộ gia đình đồng bào DTTS* đang thực hiện ở địa phương (Thống kê số liệu vào phụ lục 02)

+ Nhân xét về sự phù hợp của các văn bản.

- Các văn bản của địa phương ban hành (Theo chức năng nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị đánh giá).

Thống kê các văn bản các văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành có quy định chính sách về *giao đất, giao rừng, bảo vệ phát triển rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nâng cao đời sống cộng đồng dân cư và hộ gia đình đồng bào DTTS* (Thống kê số liệu vào phụ lục 02)

+ Nhận xét về sự phù hợp của các văn bản.

1.2. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến việc triển khai thực hiện Luật lâm nghiệp (năm 2017) và các văn bản chính sách, pháp luật về giao đất, giao rừng, bảo vệ, phát triển rừng gắn với tạo sinh kế ổn định, nâng cao đời sống cộng đồng dân cư và hộ gia đình đồng bào DTTS (Hạt Kiểm lâm)

- Khái quát việc triển khai thực hiện

- Nhận xét khái quát về việc triển khai thực hiện

2. Kết quả thực hiện (đến ngày 31/12/2023)

(Ở mỗi mục cần có nêu số liệu, phân tích, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, khó khăn trong việc thực hiện)

2.1. Quy mô diện tích, số cộng đồng và số hộ gia đình đồng bào DTTS được giao đất, giao rừng, nhận khoán bảo vệ

- Kết quả giao đất, giao rừng cho tổ chức, cộng đồng dân cư và hộ gia đình vùng DTTS&MN đến ngày 31/12/2023, chia thành 2 nhóm số liệu: (1) Tổng số kết quả thực hiện từ trước đến ngày 31/12/2023; (2) Tách riêng kết quả thực hiện từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2023¹ (thống kê số liệu vào phụ biểu 03). Theo 2 nội dung sau: (Phòng Tài nguyên và Môi trường)

+ Theo diện tích, đối tượng được giao (cộng đồng dân cư, hộ gia đình)

+ Theo xã thuộc vùng DTTS&MN đã được phân định, gồm: (1) các xã thuộc khu vực II, III (thực hiện chính sách theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP và Quyết định số 1719/QĐ-TTg của TTCP); (2) các xã khu vực I (thực hiện chính sách theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 và chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới).

- Diện tích đất, rừng giao cho cộng đồng dân cư quản lý và việc quản lý, sử dụng đất để thực hành văn hóa, tín ngưỡng gắn với rừng: (Phòng Tài nguyên và Môi trường)

- + Diện tích, số cộng đồng được giao rừng (thôn, nhóm, dòng họ)
- + Các hoạt động chính thực hành văn hóa tín ngưỡng
- + Nhận xét về sự phù hợp của quy định theo nhu cầu, mong muốn của đồng bào DTTS; những vấn đề cần quan tâm

2.2. Thực hiện các cơ chế, chính sách, hình thức tổ chức sản xuất trên diện tích đất, rừng được giao nhằm tạo sinh kế ổn định cho đồng bào DTTS

- Đối với diện tích đất, rừng được giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân (Phòng Tài nguyên và Môi trường)

Nêu rõ về diện tích, số cộng đồng, số hộ được giao; các hình thức sử dụng vào phát triển kinh tế lâm nghiệp, nông lâm kết hợp; hiệu quả kinh tế...

- Diện tích rừng được nhận khoán lại qua các chủ rừng khác (Ban quản lý, công ty lâm nghiệp, UBND xã) (Hạt Kiểm lâm)

Nêu rõ về diện tích, số cộng đồng, hộ được nhận khoán; các hình thức kết hợp sản xuất phát triển kinh tế dưới tán rừng; hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường...

(Thống kê số liệu vào phụ lục 04)

2.3. Thực hiện các hình thức liên kết sản xuất, sản xuất theo chuỗi giá trị trên diện tích đất, rừng được giao, khoán nhằm nâng cao thu nhập, ổn định đời sống

Nêu rõ về số mô hình, hình thức sản xuất, diện tích sử dụng, lao động tham gia, hiệu quả kinh tế, xã hội; mức thu nhập của người lao động....

(Thống kê số liệu vào phụ lục số 05, 06)

2.4. Kết quả sử dụng nguồn kinh phí được giao

Nêu rõ về các nguồn vốn, kinh phí được giao thực hiện trong giai đoạn 2019-2023, bao gồm: Ngân sách nhà nước; tiền dịch vụ môi trường rừng, nguồn khác... Bao gồm các mục chính sau:

- Kinh phí cho công tác giao khoán bảo vệ, phát triển rừng, chia ra: (Phòng Tài chính – Kế hoạch)

- + Chi cho quản lý nhà nước.
- + Chi cho giao khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư, hộ gia đình vùng DTTS&MN, tách riêng 02 nhóm đối tượng: (1) xã khu vực II, III; (2) xã thuộc khu vực I.
- + Thực hiện các dự án trồng rừng có sự tham gia của đồng bào DTTS.
- + Chi các hoạt động khác.

- Trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy. (Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và PTNT)

- Vốn tín dụng, cho vay phát triển sản xuất. (Ngân hàng chính sách)

+ Trồng rừng sản xuất phát triển lâm sản ngoài gỗ.

+ Chương trình trồng rừng gỗ lớn.

+ Phát triển chăn nuôi.

+ Các hình thức khác.

(Thống kê số liệu vào phụ lục 07)

2.5. Kết quả thực hiện thu hồi đất có nguồn gốc từ đất nông lâm trường giao cho các hộ gia đình, cá nhân thiếu đất tại địa phương (Phòng Tài nguyên và Môi trường)

Nêu rõ số đơn vị, diện tích công ty, nông lâm nghiệp đang quản lý, sử dụng; diện tích đã thu hồi, bàn giao về cho địa phương, trong đó diện tích đất đã được địa phương giao cho hộ gia đình, cá nhân; Diện tích đất dự kiến tiếp tục giao cho các hộ, cá nhân theo phương án của tỉnh...

(Thống kê số liệu vào phụ lục 08)

2.6. Việc thực hiện các kiến nghị của HĐND tại báo cáo số 396/BC-HĐDT14 ngày 31/10/2017 (có phụ lục kèm theo) (Theo chức năng nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị đánh giá).

Nêu rõ về việc có nhận được văn bản hay không? Việc UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các nội dung của HĐND kiến nghị với các địa phương; Kết quả thực hiện...

3. Đánh giá những ưu điểm, hạn chế của cơ chế, chính sách trong giai đoạn 2019-2023 (Theo chức năng nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị đánh giá).

3.1. Những nội dung chính sách phù hợp, có tính tích cực

3.2. Những nội dung chính sách còn bất cập, vướng mắc, hiệu quả chưa cao trong tổ chức thực hiện (Nêu rõ những nội dung quy định chính sách cụ thể ở văn bản nào?)

4. Đánh giá chung (phần này đánh giá mang tính khái quát nên theo các nội dung đánh giá tại mục 2,3 nêu trên) (Theo chức năng nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị đánh giá).

4.1. Ưu điểm

4.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc

- Tồn tại, hạn chế, vướng mắc.

+ Về việc tổ chức thực hiện (của địa phương; các công ty, đơn vị liên quan)

+ Về phía người dân (cộng đồng/hộ/cá nhân DTTS) được giao đất, rừng...

- Nguyên nhân tồn tại, hạn chế.
- + Về cơ chế, chính sách, pháp luật (khái quát các nội dung của mục 3)
- Về việc tổ chức thực hiện.
- Về phía người dân.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (Theo chức năng nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị đánh giá).

1. Với Quốc hội, UBTWQH và các cơ quan của Quốc hội
2. Với chính phủ và các bộ, ngành
3. Kiến nghị khác.